

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 488/2026/HN-ST

Ngày: 31/3/2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dương
2. Bà Võ Thị Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 378/2026/HNST ngày 04 tháng 3 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1455/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **E L, KP40, phường L, Tp .**

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **A W, Hoa Kỳ.**

(Ông **L**, bà **N** có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn là ông **Phạm Ngọc L** trình bày như sau:* Ông **L** và bà **N** tự nguyện kết hôn năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2011 ngày 14/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Tp . Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, ông yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà **Huỳnh Thị Kim N**.

Về con chung: Ông L và bà N có 02 (hai) con chung là Phạm Huỳnh Khánh V (nữ), sinh ngày 11/9/2012 và Phạm Gia K (nam), sinh ngày 01/9/2014. Ông L yêu cầu giao 02 (hai) con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Ông L không yêu cầu bà N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - bà Huỳnh Thị Kim N có bản tự khai trình bày như sau: Bà và ông Phạm Ngọc L tự nguyện kết hôn năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 01/2011 ngày 14/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Tp . Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, ông L yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông L có 02 (hai) con chung là Phạm Huỳnh Khánh V (nữ), sinh ngày 11/9/2012 và Phạm Gia K (nam), sinh ngày 01/9/2014. Bà đồng ý giao 02 (hai) con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Bà đồng ý việc ông L không yêu cầu bà N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N có bản tự khai đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà N nên xác định là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có nơi cư trú tại phường L, Tp ., bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật số 85/2025 có hiệu lực ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Tp ..

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Về việc vắng mặt của các đương sự: Ông **Phạm Ngọc L** là nguyên đơn nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Huỳnh Thị Kim N** đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn và bị đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Vụ án không thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ông **Phạm Ngọc L** và bà **Huỳnh Thị Kim N** tự nguyện kết hôn năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 01/2011 ngày 14/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Tp . nên xác định hôn nhân của ông **L** và bà **N** là hợp pháp. Ông **L** trình bày, trong thời gian chung sống với bà **N** do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Hiện nay bà **N** sinh sống và làm việc ở Hoa Kỳ, ông **L** vẫn làm việc và sinh sống tại Việt Nam, do đó tình cảm ngày càng xa cách, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông **L** được ly hôn với bà **N**.

Lời khai này của ông **L** phù hợp với nội dung trong bản tự khai ngày của bà **N**, bà **N** cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với ông **L** do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau nên hiện nay hai người không còn chung sống với nhau nữa và bà **N** đồng ý ly hôn với ông **L**.

Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt của bà **Huỳnh Thị Kim N** đã được Tổng lãnh sự quán C tại H-xton, Hoa Kỳ hợp pháp lãnh sự ngày 25/02/2026 theo quy định của pháp luật, do đó được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân của ông **L** và bà **N** đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, ông **L** và bà **N** đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do đó yêu cầu ly hôn của ông **L** là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông **L** và bà **N** có 02 (hai) con chung là **Phạm Huỳnh Khánh V** (nữ), sinh ngày 11/9/2012 và **Phạm Gia K** (nam), sinh ngày 01/9/2014. Tại đơn trình bày nguyện vọng của hai con chung là trẻ **V** và trẻ **K** đều có nguyện vọng sống với cha là ông **Phạm Ngọc L** khi ba mẹ ly hôn. Đồng thời ông **L** và bà **N** cùng ý kiến thống nhất giao 02 (hai) con chung cho ông **L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con lần lượt trưởng thành nên có căn cứ để chấp nhận. Các bên tự thỏa thuận bà **N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật số 85/2025 có hiệu lực ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc L về việc: Ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2011 ngày 14/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, Tp . (nay là xã H, Tp .) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Phạm Huỳnh Khánh V (nữ), sinh ngày 11/9/2012 và Phạm Gia K (nam), sinh ngày 01/9/2014 cho ông Phạm Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Bà Huỳnh Thị Kim N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Ông **Phạm Ngọc L** phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông **L** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009463 ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông **L** đã nộp đủ án phí. Bà **Huỳnh Thị Kim N** không phải chịu án phí.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND KV2, TP. HCM;
- **THADS Tp. HCM**;
- UBND xã Hóc Môn, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Hải Yến